TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2023/HC-PT
Ngày 23 tháng 5 năm 2023
V/v Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 172/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8043/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đinh Xuân D1, sinh năm 1981 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

***- Người bị kiện*:**

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng L - Chủ tịch UBND huyện N (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quang B - Phó Giám đốc Trung

tâm (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2022) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Đức T - Phó Chủ tịch UBND xã (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022) (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Hoàng Văn D trình bày:

Năm 2012, ông Hoàng Văn D nhận chuyển nhượng hai khu đất (không đo diện tích cụ thể) có địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn của ông Triệu Văn B1 và bà Bàn Thị C (trú tại: Thôn B1, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Khi nhận chuyển nhượng, trên đất có vài cây lê, cây vải còn lại chủ yếu là bãi đất chăn thả trâu bò. Năm 2014, ông D mới có đủ tiền để trả cho ông B1 nên ngày 24/01/2014 hai bên viết giấy mua bán, có trưởng thôn và người làm chứng xác nhận. Từ năm 2014 đến nay ông D trồng cây lê, cây đào, cây mận trên khu đất nhận chuyển nhượng của Bộ.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân *(sau đây viết tắt là UBND)* huyện N có chủ chương thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên tiến hành đo đạc và thu hồi khu đất của ông D. Qua kiểm đếm được 900 cây lê đường kính 1-6cm, 1150 cây đào và một số cây khác do ông D tự trồng không theo dự án nào và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(sau đây viết tắt là GCNQSD đất)* gồm: Thửa số 22 tờ bản đồ số 2 diện tích 28.693,0m^2; thửa số 27, tờ bản đồ số 2 diện tích 505,3m^2; thửa số 4 tờ bản đồ số 3 diện tích 791,7m^2; thửa số 5 tờ bản đồ số 3, diện tích là 14.640,0m^2.

Ngày 24/7/2020, ông D nhận được Thông báo số 108/TB-UBND ngày 24/7/2020 có nội dung thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn của UBND huyện N kèm theo danh sách thông báo thu hồi đất (Lần 1). Theo đó thửa đất số 22 và 27 được xem xét bồi thường là đất trồng cây lâu năm.

Ngày 04/01/2021, ông D nhận được Thông báo kết quả thẩm định số 01/TB-TNMT ngày 04/01/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N xác định các thửa đất số 22, diện tích 28,693,6m^2; thửa đất số 27, diện tích 505,3m^2; thửa đất số 4, diện tích 791,7m^2; thửa đất số 5, diện tích 14640,2m^2 là đất rừng sản xuất.

Ngày 25/3/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 583/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (Lần 1) diện tích 244.743,5m^2 của 02 tổ chức và 13 hộ gia đình trong đó có thửa số 6, tờ bản đồ 01, diện tích 14.602,4m^2 đất rừng sản xuất của hộ gia đình ông D.

Ngày 15/10/2021, ông D nhận được Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày ngày 15/10/2021 của UBND huyện N về việc quyết định thu hồi đất (Lần 2) Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T,

thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Lần 2) thu hồi 49.137,7m^2 đất của 01 tổ chức là UBND xã T, diện tích 4.506,9m^2 đất rừng sản xuất và 01 hộ gia đình là hộ ông Hoàng Văn D, diện tích 44.630,8m^2 đất rừng sản xuất tại các thửa số 22, 27, tờ bản đồ số 2, thửa số 04, 05 tờ bản đồ số 3.

Ngày 20/01/2022, ông D nhận được Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Theo đó, áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông D hiện đang sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 1, diện tích 14.602,4m^2 loại đất rừng sản xuất, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 2, diện tích 28.693,6m^2; thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2, diện tích 505,3m^2; thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3, diện tích 791,7m^2; thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, diện tích 14.640,2m^2 đều là đất rừng sản xuất. Lý do cưỡng chế: Ông D không thực hiện Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 và Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N.

Ông D khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N về việc quyết định thu hồi đất (Lần 2) Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Hủy Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Hoàng Văn D thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Lý do ông D không đồng ý với Quyết định thu hồi đất số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 vì UBND huyện N thu hồi diện tích 44.630.8m^2 đất nhưng xác định là đất rừng sản xuất (RSX) là không đúng. Ông D đề nghị xác định là loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Năm 2012 khi nhận chuyển nhượng đất từ ông B1 thì ông D chưa trồng cây ăn quả trên đất chỉ đào hố cải tạo đất, phát nương trồng ngô, trồng lúa nước. Năm 2014, ông D bắt đầu trồng cây lê, cây đào, cụ thể: Năm 2014 trồng 400 cây lê, năm 2015 trồng 500 cây lê, năm 2016 trồng 1200 cây đào, năm 2017 trồng thêm 60 cây mận. Sau đó không trồng thêm cây, chỉ chăm sóc các cây đã trồng cho đến nay. Ông D nhất trí với số liệu cây và tài sản trên đất khi thống kê đã kiểm đếm, chỉ không nhất trí với việc xác định loại đất của UBND huyện N.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/9/2022 ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể:

- Rút một phần yêu cầu hủy Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N và rút một phần yêu cầu hủy Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N đối với phần cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 25/3/2021. Ông D xác định chỉ khởi kiện yêu cầu hủy phần quyết định liên quan đến thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông tại hai quyết định nêu trên. Ông D

xác định diện tích đất bị thu hồi là 44.630,8m^2 là đất do UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn quản lý nằm trong tổng diện tích 49.137,7m^2.

- Rút một phần yêu cầu hủy Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N đối với phần cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND huyện N.

Người bị kiện là UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

UBND huyện N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N. Lý do hai quyết định trên được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND huyện N đã ban hành Văn bản số 2410/UBND-TNMT ngày 14/10/2021 trả lời đơn của ông Hoàng Văn D. Nội dung đơn của ông D chưa đồng ý bồi thường, thu hồi là đất rừng sản xuất (RSX) đề nghị là loại đất trồng cây lâu năm (CLN) đã được UBND huyện N trả lời làm rõ như sau:

Theo điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai: *"1.Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm*:

c*) Chuyển đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang sử dụng vào mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp."*

Các thửa đất của ông D bị thu hồi, trước đây là đất rừng sản xuất, nay chuyển sang sử dụng vào mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp (*đất trồng cây lâu năm*) phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên ông D chưa làm thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng và chưa được UBND huyện N cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai thì đất của ông D thuộc diện tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Qua kết quả xác minh, báo cáo của UBND xã T (Văn bản số 170/CV-UBND ngày 28/7/2021; Văn bản số 110/CV-UBND ngày 18/8/2021) cho thấy nguồn gốc đất trước kia là bãi đất trống do thôn quản lý, bà con dùng làm bãi chăn thả trâu bò chung cho cả thôn. Khoảng năm 2002, ông B1 chuyển đến thôn dưới gần trung tâm xã sinh sống thì ông B1 có lên chăn trả trâu bò ở khu vực này. Trước khi ông B1 chuyển nhượng đất cho ông D thì ông B1 có trồng ngô trên diện tích nhỏ được 01 hoặc 02 vụ, không canh tác thường xuyên liên tục, chủ yếu chỉ sử dụng làm bãi chăn thả trâu bò. Năm 2014, ông B1 chuyển nhượng các thửa đất này cho ông D thì ông D mới chuyển sang trồng cây lâu năm từ 2016, chưa thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nên không đủ cơ sở xác nhận là đất trồng cây lâu năm (*có các tài liệu kèm theo*).

Theo Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và

Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ba loại rừng tỉnh Bắc Kạn thì các thửa đất ông D bị thu hồi là đất rừng sản xuất.

Do vậy, việc ông Hoàng Văn D khởi kiện hủy một phần Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N và hủy một phần Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh B thực hiện nhiệm vụ tư vấn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện lập biên bản thống kê, lập phương án bồi thường và các hồ sơ tài liệu liên quan khác để chủ đầu tư trình UBND huyện N thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, thực hiện chi trả tiền bồi thường.

UBND huyện N xác định các thửa đất của ông Hoàng Văn D bị thu hồi là loại đất rừng sản xuất (RSX) và ban hành Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 về việc thu hồi đất (lần 2); Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đảm bảo đúng theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

Ông Hoàng Văn D khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N và hủy một phần Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khu đất ông D bị thu hồi theo địa phương thường gọi là khu đất K thuộc thôn B2, xã T, huyện N. Về nguồn gốc đất trước khi ông B1 canh tác là đất rừng phòng hộ do UBND xã quản lý, giao cho thôn B2 khoanh nuôi, bảo vệ và làm bãi chăn thả trâu bò. Sau khi ông B1 chuyển từ Phiêng S xuống B1 sinh sống thì có đến chăn thả trâu bò ở khu vực này. Năm 2007 đến năm 2018 theo quyết định của UBND tỉnh B thì chuyển mục đích sử dụng thành đất rừng sản xuất. Năm 2020 thì quy hoạch làm Dự án.

Về quá trình sử dụng đất và các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì UBND xã T, huyện N đã thực hiện việc xác minh, kiểm tra trình tự, thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Triệu Văn B1 và ông Hoàng Văn D. Giữa hai bên chuyển nhượng đất nhưng chưa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và chưa thực hiện thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất. Trước khi ông B1 chuyển nhượng đất cho ông D thì các thửa đất này chỉ làm bãi chăn thả trâu bò, không canh tác thường xuyên, cũng chưa trồng loại cây lâu năm. Đối với trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất và ban hành quyết định thu hồi, quyết định cưỡng chế thu hồi đất

của UBND huyện N được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Điều 62, Điều 67, Điều 71 Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị Quyết 326/NQ-UBTVQH 12 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn D về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N về việc quyết định thu hồi đất (Lần 2) Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn phần liên quan đến thu hồi diện tích 44.360,8m^2 đất của ông Hoàng Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi 44.360,8m^2 đất theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 đối với ông Hoàng Văn D thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D cụ thể:

- Đình chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N đối với diện tích 4.506,9m^2 đất bị thu hồi là đất do UBND xã T, huyện N quản lý.

- Đình chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N đối với phần cưỡng chế thu hồi đất của ông Hoàng Văn D theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 25/3/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện có đơn đề nghị xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, hủy một phần Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND

huyện N về việc quyết định thu hồi đất (Lần 2) liên quan đến việc thu hồi diện tích 44.360,8m^2 đất của ông Hoàng Văn D và hủy một phần Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi diện tích 44.360,8m^2 đất theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn D nộp trong thời hạn và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Hoàng Văn D là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Hoàng Văn D và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 03/10/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Văn D kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn (BL 477).

Ngày 04/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Thông báo số 08/TB-TA yêu cầu ông D làm lại, sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo. Ông D đã làm lại đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông (BL 478). Ông D nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự ngày 19/10/2022 theo Biên lai số 0000094. Tuy nhiên, đơn kháng cáo của ông D lại đề ngày "08/10/2021" và tại phiên tòa hôm nay ông D xác nhận do viết nhầm năm và xác định lại đơn kháng cáo sửa đổi của ông là ngày 08/10/2022 nên có căn cứ xác định đơn kháng cáo của ông D gửi trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất vào ngày 27/4/2023, người khởi kiện có mặt nhưng người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người khởi kiện vắng mặt nên người khởi kiện đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/5/2023, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4

Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là quyết định do cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai và cưỡng chế thu hồi đất. Đây là quyết định hành chính do người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hoàng Văn D đang sử dụng đất. Ngày 08/02/2022, ông D có đơn khởi kiện nên căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, xác định hai Quyết định nêu trên là các Quyết định hành chính bị kiện và còn trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định về thời hiệu và điều kiện khởi kiện.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích cộng đồng góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế đối với địa phương còn nhiều khó khăn như xã T, huyện N. UBND huyện N đã tiến hành kiểm tra, rà soát những diện tích đất có liên quan đến dự án này. Qua công tác kiểm tra thấy rằng, các thửa đất của ông Hoàng Văn D đang sử dụng thuộc khu đất Khâu G, xã T, huyện N có nguồn gốc là đất rừng phòng hộ do UBND xã quản lý giao cho thôn B2.

Năm 2007 đến năm 2018, theo quyết định của UBND tỉnh B thì khu đất này chuyển mục đích sử dụng thành đất rừng sản xuất. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng từ ông B1 (sau năm 2014), ông D có trồng cây trên đất nhưng chưa thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất. Năm 2020 quy hoạch khu đất này làm Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 25/3/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 583/QĐ-UBND thu hồi đất (lần 01) diện tích 244.743,5m^2 của 02 tổ chức và 13 hộ gia đình trong đó có thửa số 6, tờ bản đồ 01, diện tích 14.602,4m^2 đất rừng sản xuất của hộ gia đình ông D sử dụng nhưng ông D không khiếu nại.

Ngày 15/10/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2582/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (lần 2). Trước khi ban hành Quyết định 2582/QĐ-UBND, UBND huyện N có thông báo cho ông D và đã tiến hành xác minh chi tiết, có báo cáo cụ thể về loại đất, hiện trạng đất ông D đang sử dụng là đất rừng sản xuất. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã phối hợp UBND xã T, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã T đã vận động thuyết phục 03 lần

được báo cáo cụ thể tại Văn bản số 788/CV-TTKT ngày 17/12/2021 của Trung tâm K; UBND xã T vận động thuyết phục hộ ông Hoàng Văn D theo đúng quy định được báo cáo tại Công văn số 153/UBND-BC ngày 22/11/2021 của UBND xã T; Chủ tịch Hội đồng bồi thường và các thành viên đã tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục. Tuy nhiên, hộ ông D không đồng ý bồi thường thu hồi là loại đất rừng sản xuất (RSX) mà đề nghị được bồi thường là đất trồng cây lâu năm (CLN). Ngày 20/01/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông D.

Như vậy, UBND huyện N ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, khoản 1 Điều 67, khoản 3 Điều 69, điểm a khoản 2 Điều 70 Luật Đất đai 2013, khoản 1, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

[2.2] Về tính hợp pháp về nội dung các Quyết định hành chính:

[2.2.1] Xét về nguồn gốc các thửa đất có diện tích bị thu hồi:

Theo Biên bản xác minh ngày 26/7/2022, UBND xã T cung cấp: (BL 89) Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 2, diện tích 28.693,6m^2; thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2, diện tích 505,3m^2; thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3, diện tích 791,7m^2; thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, diện tích 14.640,2m^2 là đất rừng sản xuất. Căn cứ theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp 1995-2000: Theo biểu tổng hợp diện tích giao đất lâm nghiệp từ năm 1995-2000 thì các thửa đất bị thu hồi mà ông D đang khởi kiện thuộc lô 15 khoảnh 1 tiểu khu A diện tích 23,32 ha là đất thuộc UBND xã quản lý được giao cho tập thể thôn B2 khoanh nuôi bảo vệ (hệ thống phân chia hiệu chỉnh thuộc lô 1, khoảnh 2, tiểu khu A) và hiện trạng là đất IB (đất chưa có rừng hoặc không thành rừng chỉ có lớp thực bì, cây bụi).

Theo Sổ giao đất lâm nghiệp năm 1995-2000 có bản đồ kèm theo thì các thửa đất ông D khởi kiện nằm tại Lô A, khoảnh 1, tiểu khu A là đất thuộc UBND xã quản lý được giao cho tập thể thôn B2 khoanh nuôi bảo vệ và mục đích sử dụng hiện trạng là đất IB (đất chưa có rừng hoặc không thành rừng chỉ có lớp thực bì, cây bụi rừng tự nhiên), thôn B2 không giao cụ thể cho hộ gia đình nào quản lý sử dụng, thôn sử dụng làm bãi chăn thả trâu, bò không có hộ dân canh tác. Điều này phù hợp với Đơn xin nhận đất lâm nghiệp để quản lý và sử dụng của Tập thể thôn B2 ngày 15/5/1999 do ông Chu Đức H đại diện cho thôn ký và được UBND huyện N giao đất lâm nghiệp cho thôn B2 tại Quyết định số 1127/QĐ-UB ngày 01/02/2000 tại 15, 16K1, 16K3 (TK129) (BL 420, 421).

Giai đoạn 2000-2006: Theo bản đồ đo đạc năm 2000 và ban hành năm 2006, cấp giấy năm 2009 bản đồ đo đạc địa chính xã T thì các thửa đất nêu trên vẫn thuộc UBND xã quản lý tuy nhiên trên bản đồ ghi tên trưởng thôn Chu Đức H (đây là phân vùng quản lý nên ghi tên trưởng thôn). Các thửa đất ông D sử dụng bị thu hồi nằm trong thửa đất số 46 có diện tích 383.991m^2, loại đất UBQ tên người quản lý là UBND xã, mục đích sử dụng là theo bản đồ RPK trạng thái rừng là IA là rừng phòng hộ. Theo Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh B thì thửa đất số 46 bao gồm đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất. Các thửa đất bị thu hồi là thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, tuy nhiên hiện trạng

sử dụng là đất trống (ký hiệu DT1). Theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ba loại rừng tỉnh Bắc Kạn thì toàn bộ diện tích đất 44.630,8m^2 bị thu hồi thuộc rừng sản xuất.

[2.2.2] Về quá trình sử dụng đất:

Ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Triệu Văn B1 theo giấy mua bán ngày 24/01/2014. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập giữa ông D và ông B1 không xác định diện tích đất, số thửa, tờ bản đồ, vị trí các thửa đất chuyển nhượng và không có xác nhận của chính quyền địa phương, không thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông B1 trình bày đất có nguồn gốc khai hoang từ người H'Mông trước năm 2000 (là bố của người vợ đầu của ông B1) nhưng ông B1 không nhớ tên là không có cơ sở. Sau năm 2001 ông B1 có đến canh tác một vài vụ ngô và chăn bò nhưng ông B1 không canh tác thường xuyên và không kê khai làm thủ tục cấp GCNQSD đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông B1, ông D chưa thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSD đất và cũng chưa thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Ngoài giấy tờ mua bán đất viết tay, ông B1, ông D không cung cấp được bất kì giấy tờ, tài liệu, chứng cứ khác. Sau năm 2014, ông D có canh tác trồng ngô 01 vụ sau đó bỏ không, ông D chăn thả lợn rừng, ngựa và đến năm 2016 thì bắt đầu trồng rải rác cây ăn quả trồng các cây lê, cây đào, cây mận, trên đất có vài cây gỗ tạp, gỗ xoan, cây ổi…

[2.2.3] Về xác định loại đất:

Ông D yêu cầu xác định loại đất bồi thường là đất trồng cây lâu năm, tuy nhiên ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh các thửa đất số 22, tờ bản đồ số 2, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 2; thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3; thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, là đất trồng cây lâu năm. Đất ông D sử dụng là đất rừng sản xuất nếu chuyển đổi sang đất trồng cây lâu năm (nhóm đất nông nghiệp) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng ông D chưa thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất. Căn cứ khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì các thửa đất ông D bị thu hồi thuộc diện tự chuyển mục đích sử dụng trái phép. Kết quả xác minh và báo cáo của UBND xã T tại Văn bản số 170/CV-UBND ngày 28/7/2021; Văn bản số 110/CV-UBND ngày 18/8/2021 cho thấy gia đình ông D mới trồng cây lâu năm từ năm 2016 và chưa thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 57 Luật Đất đai nên không đủ các cơ sở xác nhận là đất trồng cây lâu năm làm căn cứ để bồi thường.

Trên cơ sở Giấy phép khai thác khoáng sản số 83/GP-BTNMT ngày 15/5/2020 của Bộ T1 cho phép Công ty cổ phần V khai thác quặng sắt tại mỏ Bản P, xã T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, UBND huyện N đã thực hiện

các công tác thu hồi đất của ông Hoàng Văn D và những hộ có liên quan để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Mỏ lộ thiên khai thác và tuyển quặng sắt. Việc thu hồi đất của UBND huyện N đã thực hiện theo đúng các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành xác định loại đất. Do vậy, UBND huyện N Quyết định số 2582/QĐ-UBND về việc quyết định thu hồi đất (lần 2) theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, gia đình ông D không chấp hành mặc dù đã được vận động, thuyết phục nên Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông D là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ông D trình bày có một số hộ dân khai thác và sử dụng đất giáp ranh đất với của ông nhưng lại được bồi thường và hỗ trợ là đất trông cây lâu năm. Tuy nhiên, theo trình bày của UBND xã T và UBND huyện N thì thực tế có một số hộ dân sinh sống từ năm 2001-2002 có nhận chuyển nhượng đất của các hộ dân sinh sống lâu năm tại đây và nguồn lương thực của hộ là ngô, họ đã canh tác trồng ngô liên tục trên phần đất của mình. Phần đất mà ông D nhận chuyển nhượng từ ông B1 thì trước đó ông B1 chỉ canh tác 01 năm do không có nước nên không canh tác nữa, người con nuôi ông B1 có đến trồng ngô một vụ rồi bỏ đất không trồng cây, mà thả lợn rừng, ngựa, sau năm 2016 ông D mới bắt đầu trồng rải rác cây ăn quả nên không có cơ sở để bồi thường đất trồng cây lâu năm.

[3]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Với các phân tích nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D là có cơ sở. Nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn D cũng như nội dung khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn D cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông D.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn D và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông D đã

nộp theo Biên lai số 0000094 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn ngày 19/10/2022, xác nhận ông D đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm